

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 174/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08/12/2022

V/v: “Ly hôn và tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đài.

Ông Vũ Xuân Tuất.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham
gia phiên tòa:* Ông Lê Đình Đạo – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom
xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ
lý số 1008/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn và
tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
149/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Tổ 14, ấp C, xã C, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thần P, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Tổ 14, ấp C, xã C, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

(chị H vắng mặt, anh P có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, biên bản làm việc, biên bản đối
chất và biên bản hòa giải có trong hồ sơ vụ án, chị Phạm Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thần P tự nguyện tìm hiểu và
yêu thương nhau nên chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện
Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2000.
Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh P thường xuyên ăn nhậu
và quậy phá, có lần còn đánh đập chị, hơn nữa anh P còn nợ nần chị đã phải bán

nhà để trả nợ thay cho anh P, mâu thuẫn kéo dài được khoảng 05 đến 06 năm nay và chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh P vẫn không thay đổi; nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh P, thực tế vợ chồng đã sống riêng từ năm 2021 đến nay.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Xuân D, sinh ngày 29/5/2003, Nguyễn Xuân N, sinh ngày 08/6/2005. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu N và không yêu cầu anh P cấp dưỡng; cháu D đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 07/11/2022, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Theo các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất, biên bản hòa giải có trong hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Thân P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị H tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau nên tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2000.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đầu tháng 9/2022 chị H bỏ ra ngoài phòng trọ sinh sống, anh đã nhiều lần liên lạc nhưng không được, nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị H nên anh không đồng ý ly hôn, anh sẽ cố gắng thay đổi để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay, nếu chị H vẫn kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Xuân D, sinh ngày 29/5/2003, Nguyễn Xuân N, sinh ngày 08/6/2005. Ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi cháu N và không yêu cầu anh cấp dưỡng thì anh đồng ý; cháu D đã trưởng thành có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị H là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho chị H được ly hôn với anh P. Về con chung: Giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng, tạm thời anh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về án phí: Chị H phải nộp

án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Phạm Thị H nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thành P, sinh năm: 1974, địa chỉ: Tổ 14, ấp C, xã C, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ là “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Chị H nộp đơn đúng trình tự thủ tục nên được thụ lý, giải quyết.

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị H.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 - Về quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh P tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn, được UBND xã C, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 39/KH ngày 17/11/2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án chị H kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh P, quá trình giải quyết vụ án anh P không đồng ý ly hôn, tại phiên tòa anh P trình bày nếu chị H kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý, xét thấy chị H trình bày quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và kéo dài khoảng 05 đến 06 năm, anh P cũng xác nhận vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm; hơn nữa thực tế anh chị đã sống riêng và không còn quan tâm đến nhau hơn 01 năm nay. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu ly hôn với anh P là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2 - Về con chung:

Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Xuân D, sinh ngày 29/5/2003, cháu Nguyễn Xuân N, sinh ngày 08/6/2005. Ly hôn, chị H và anh P đồng ý giao cháu Nhi cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh P không phải cấp dưỡng nuôi con và cháu N cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ nên Hội đồng xét xử giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu D các bên đương sự đều trình bày cháu đã trưởng thành, có

khả năng lao động và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3.3 - Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 220, 228, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010); Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” với anh Nguyễn Thần P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Phạm Thị H với anh Nguyễn Thần P.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Xuân N, sinh ngày 08/6/2005 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; tạm thời anh Nguyễn Thần P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Thần P được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001793 ngày 18/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị Phạm Thị H đã nộp đủ án phí.

5. Anh Nguyễn Thân P có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Phạm Thị H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT, THA, VKS;
- Đường sự;
- UBND xã C.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương